

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG DU LỊCH



TRƯỜNG THỊ THU LÀNH

**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH THAM GIA CỦA
NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VÀO
PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BÌNH THUẬN**

Ngành: Du lịch

Mã số: 9810101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ DU LỊCH

HUẾ - 2026

Công trình được hoàn thành tại **Trường Du lịch – Đại học Huế**

Người hướng dẫn: **PGS. TS. Lê Chí Công**

TS. Hồ Thị Hương Lan

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế

hợp tại

.....

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

.....

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển du lịch (PTDL) biển tại điểm đến không chỉ tác động đến kinh tế mà còn ảnh hưởng đến xã hội, văn hóa và môi trường của người dân địa phương (NDĐP), đặc biệt là NDĐP ven biển – nơi sinh kế, đời sống văn hóa, môi trường sống thường gắn chặt với tài nguyên biển và ven biển (Hamzah và nnk., 2024). Vì vậy, các chính sách quản trị điểm đến luôn nhấn mạnh sự tham gia của NDĐP như là một yếu tố quan trọng trong quá trình PTDL biển hướng đến bền vững (Matarrita-Cascante và nnk., 2010).

Do đó, các nghiên cứu về sự tham gia của NDĐP vào PTDL biển đã được thực hiện từ khá sớm và vẫn không ngừng gia tăng trong thời gian gần đây. Trong đó, phần lớn nghiên cứu vào tập trung khám phá nhận thức của NDĐP về tác động của PTDL (Robinson và nnk., 2019; Bartis & Madlwabinga, 2020; Unhasuta và nnk., 2021; Riyanto và nnk., 2023), hoặc xem xét thái độ của NDĐP đối với PTDL (Presenza và nnk., 2013; Del Chiappa và nnk., 2018; Hsu và nnk., 2019) và ý định ủng hộ PTDL của NDĐP cũng được các học giả quan tâm (Erul & Woosnam, 2022; Porras-Bueno, 2024). Tuy nhiên, ý định tham gia của NDĐP vào PTDL biển vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Biên cạnh đó, các nghiên cứu ngày càng chú ý nhiều hơn đến yếu tố cảm xúc của NDĐP (Del Chiappa và nnk., 2018; Wong và nnk., 2022; Erul & Woosnam, 2022). Trong đó, niềm tự hào cộng đồng có ảnh hưởng đáng kể đến sự ủng hộ của NDĐP (Pookaiyaudom, 2015; Yoopetch, 2022). Tuy nhiên, khoảng trống nghiên cứu là chưa xem xét vai trò của niềm tự hào cộng đồng như một biến trung gian giữa nhận thức tích cực và ý định tham gia của NDĐP vào PTDL biển.

Ngoài ra, mặc dù lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) đã được sử dụng rộng rãi để giải thích ý định hành vi của du khách nhưng ý định hành vi của cư dân ven biển vẫn chưa được xem xét một cách đầy đủ (Yen & Kerstetter, 2008; Erul và nnk., 2020; Wong và nnk., 2022). Cùng với đó, hạn chế là TPB chưa làm rõ nguồn gốc hình thành thái độ của NĐBP. Trong khi đó, lý thuyết trao đổi xã hội (SET) cung cấp cơ chế lý giải rằng cá nhân sẵn sàng tham gia khi nhận thức được lợi ích lớn hơn chi phí (Ap, 1992). Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây mới chỉ xem nhận thức tích cực về tác động kinh tế, môi trường và văn hóa - xã hội như một kết quả của du lịch (Ap, 1992; Wu & Chen, 2018; Wei & Lin, 2025), chứ chưa tích hợp vào TPB như một biến tiền đề. Khoảng trống này cho thấy sự cần thiết phải mở rộng TPB bằng cách tích hợp SET, nhằm bổ sung biến “nhận thức tích cực” để giải thích đầy đủ hơn ý định tham gia PTDL biển của NĐBP.

Mặc khác, TPB không chỉ hữu ích trong việc giải thích ý định tham gia ban đầu của NĐBP vào PTDL, mà còn có thể mở rộng để lý giải ý định tiếp tục tham gia (Ajzen, 1991; Kim & Han, 2010). Thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi đều có khả năng duy trì hành vi lâu dài (Meng & Cui, 2020; Bianchi, 2022; Gao và nnk., 2026). Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chưa xem xét đầy đủ cơ chế lợi ích – chi phí của SET trong việc giải thích ý định tiếp tục tham gia PTDL biển của NĐBP.

Du lịch Việt Nam bước vào giai đoạn tăng trưởng tích cực sau đại dịch COVID-19. Các chính sách quốc gia như Quyết định số 147/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2020), Quyết định số 509/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ, 2024) và Nghị quyết số 36-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2018) đều nhấn mạnh định hướng PTDL biển thành sản phẩm chủ lực, đồng thời yêu cầu phát triển hài hòa giữa kinh tế, môi trường và văn hóa -

xã hội của NDĐP ven biển. Như vậy, sự tham gia và hưởng lợi công bằng của NDĐP ven biển trở thành yếu tố then chốt để bảo đảm PTDL bền vững.

Bình Thuận là một trong những địa phương có lợi thế nổi bật về du lịch biển, với thương hiệu Mũi Né - Phan Thiết, đảo Phú Quý, hệ thống làng chài và văn hóa biển đặc trưng. Sau khi sáp nhập vào tỉnh Lâm Đồng, chính sách PTDL của tỉnh định hướng du lịch biển vùng phía Đông như một trụ cột kinh tế (Ủy Ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng, 2025) và chú trọng vào PTDL có sự tham gia của NDĐP trong toàn tỉnh (Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, 2026). Chính sách hiện nay thường kêu gọi sự tham gia của NDĐP nhưng thiếu căn cứ khoa học để lý giải cơ chế hình thành ý định tham gia.

Xuất phát từ những khoảng trống lý luận và thực tiễn trên, nghiên cứu **“Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch biển Bình Thuận”** được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia của NDĐP vào PTDL biển, từ đó đề xuất các hàm ý quản lý phù hợp nhằm thúc đẩy sự tham gia của NDĐP vào PTDL biển theo hướng bền vững.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát: Mục tiêu chính của luận án là nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia của NDĐP vào các hoạt động PTDL biển Bình Thuận. Từ đó, đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy sự tham gia của NDĐP vào PTDL biển theo hướng bền vững.

Mục tiêu cụ thể:

Một là, xác định và phân tích cơ chế hình thành ý định tham gia của NDĐP vào các hoạt động PTDL biển tại tỉnh Bình Thuận thông qua mô hình TPB mở rộng tích hợp SET.

Hai là, kiểm định vai trò của niềm tự hào cộng đồng như một biến trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức về các tác động tích cực của du lịch (kinh tế, môi trường, văn hóa – xã hội) và ý định tham gia PTDL biển của NDĐP tại tỉnh Bình Thuận.

Ba là, kiểm định vai trò của thái độ như một biến trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức về các tác động tích cực của du lịch biển (kinh tế, môi trường, văn hóa - xã hội) và ý định tham gia PTDL biển của NDĐP tại tỉnh Bình Thuận.

Bốn là, phân tích vai trò can thiệp của tình trạng tham gia (đã/đang tham gia và chưa tham gia) trong các mối quan hệ giữa nhận thức về tác động tích cực của du lịch biển (kinh tế, môi trường, văn hoá - xã hội), thái độ, niềm tự hào cộng đồng, chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi và ý định tham gia PTDL biển của NDĐP tại Bình Thuận.

Năm là, đề xuất các khuyến nghị và hàm ý chính sách cho các bên liên quan nhằm thúc đẩy ý định tham gia PTDL biển của NDĐP tại tỉnh Bình Thuận.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận và thực tiễn về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia của NDĐP vào PTDL biển tại tỉnh Bình Thuận.

Đối tượng khảo sát là người dân địa phương đại diện các hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực ven biển tỉnh Bình Thuận.

4. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung

Nghiên cứu tập trung vào việc phân tích cơ chế hình thành ý định tham gia PTDL biển của NDĐP thông qua mô hình TPB mở rộng tích hợp SET, lý thuyết bản sắc xã hội (SIT) và mô hình nhận thức – cảm xúc – ý chí (CAC). Nội dung bao gồm: nhận thức về tác động tích cực của du lịch biển (kinh tế, môi trường, văn hóa - xã

hội), thái độ, niềm tự hào cộng đồng, chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi và ý định. Đồng thời, nghiên cứu kiểm định vai trò trung gian của thái độ và niềm tự hào cộng đồng, cũng như vai trò can thiệp của tình trạng tham gia (đã/đang tham gia và chưa tham gia).

Phạm vi không gian

Nghiên cứu được thực hiện tại các địa bàn ven biển trọng điểm của tỉnh Bình Thuận gồm huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Tân, thị xã La Gi, thành phố Phan Thiết và huyện đảo Phú Quý.

Phạm vi về thời gian

○ Dữ liệu thứ cấp: Tài liệu từ năm 1997 đến tháng 3/2026 để phân tích sự thay đổi của chủ đề nghiên cứu theo thời gian. Tài liệu để phân tích nội dung từ năm 2008 đến năm 2025. Số liệu về địa bàn nghiên cứu giai đoạn 2022–2024.

○ Dữ liệu sơ cấp: Phỏng vấn sâu chuyên gia và thảo luận nhóm từ tháng 10/2024 đến tháng 1/2025. Phỏng vấn NDĐP từ tháng 2/2025 đến tháng 6/2025. Tham vấn ý kiến chuyên gia về kết quả nghiên cứu từ tháng 10/2025 đến tháng 11/2025.

5. Cấu trúc của luận án

Phần I. Mở đầu:

Phần II. Nội dung nghiên cứu, gồm 4 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch biển.

Chương 2: Đặc điểm địa bàn và phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Kết quả nghiên cứu

Chương 4: Thảo luận kết quả và hàm ý quản lý

Phần III. Kết luận

PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VÀO PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN

1.1. Các khái niệm liên quan

1.1.1 Phát triển du lịch biển

1.1.1.1 Du lịch biển

Du lịch biển là loại hình du lịch có các hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng và giải trí diễn ra ở không gian ven biển, biển và bao gồm các dịch vụ và cơ sở hạ tầng trên cạn tương ứng của chúng. Các hoạt động tiêu biểu bao gồm tham quan, vui chơi trên bãi biển, thể thao biển, du lịch sinh thái biển, du ngoạn, bơi lội và lặn biển; dịch vụ hỗ trợ và cơ sở hạ tầng trên cạn bao gồm lưu trú, vận chuyển, ăn uống, mua sắm và các dịch vụ du lịch liên quan.

1.1.1.2 Phát triển du lịch biển

Phát triển du lịch biển là “việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên biển đảo, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, nguồn nhân lực và các nguồn lực khác nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch; từ đó tạo ra thu nhập, làm tăng sự đóng góp về kinh tế - xã hội cho quốc gia, địa phương, trên cơ sở gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái biển và đảm bảo an ninh, quốc phòng” (Tuấn, 2016).

1.1.2 Ý định tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch biển

1.1.2.1 Người dân địa phương

Người dân địa phương là bất kỳ thành viên nào trong cộng đồng có nơi ở thường xuyên và ổn định tại địa bàn; những người này có sự am hiểu về phong tục tập quán, văn hóa địa phương và chịu sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của hoạt động du lịch về kinh tế, môi trường và văn hóa – xã hội.

1.1.2.2 Sự tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch

Sự tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch được tiếp cận như những hành động mang tính tự nguyện. Cụ thể, sự tham gia thể hiện qua ba dạng chính: (i) tham gia trực tiếp vào các hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch; (ii) tham gia gián tiếp và hỗ trợ các hoạt động phát triển du lịch; và (iii) tham gia vào việc bảo tồn và gìn giữ tài nguyên du lịch tại địa phương.

1.1.2.3 Ý định tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch biển

Ý định tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch biển được hiểu là trạng thái sẵn sàng về mặt tâm lý đối với việc tham gia các hoạt động du lịch biển tại địa phương. Ý định này phản ánh mức độ mong đợi, dự định, kế hoạch và mong muốn của cư dân trong việc tham gia. Đồng thời, ý định tham gia được tiếp cận theo hai khía cạnh: (i) ý định tham gia mới đối với những người chưa từng tham gia trước đây và (ii) ý định tiếp tục tham gia đối với những người đã hoặc đang tham gia các hoạt động phát triển du lịch biển. Cách tiếp cận này cho phép đánh giá toàn diện hơn về động lực ban đầu cũng như cam kết lâu dài của người dân địa phương đối với tiến trình phát triển du lịch.

1.1.3 Lý thuyết nền áp dụng trong nghiên cứu

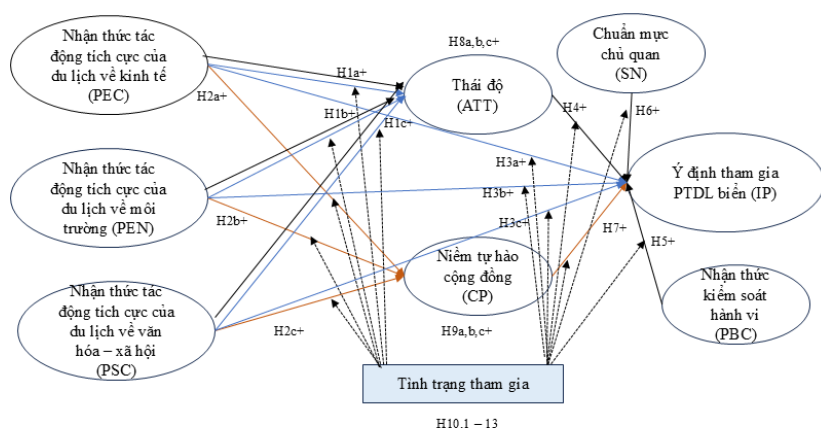
- Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB)
- Lý thuyết trao đổi xã hội (SET)
- Lý thuyết bản sắc xã hội (SIT)
- Mô hình nhận thức - cảm xúc - ý chí (CAC model)

1.1.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia của NĐP vào phát triển du lịch biển áp dụng trong nghiên cứu

- Nhận thức về tác động tích cực của du lịch biển về kinh tế (PEC).

- Nhận thức về tác động tích cực của du lịch biển về môi trường (PEN).
- Nhận thức về tác động tích cực của du lịch biển về văn hóa – xã hội (PSC).
- Thái độ (ATT)
- Chuẩn mực chủ quan (SN)
- Nhận thức kiểm soát hành vi (PBC)
- Niềm tự hào cộng đồng (CP).

1.1.5 Khung nghiên cứu đề xuất



Hình 1.9. Mô hình nghiên cứu đề xuất

- > Lý thuyết hành vi có kế hoạch
- > Mô hình nhận thức – cảm xúc – ý chí
- > Lý thuyết trao đổi xã hội

CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Bình Thuận là điểm PTDL biển tiêu biểu của Việt Nam. Trong đó, thương hiệu biển Mũi Né – Phan Thiết và đảo Phú Quý, các lễ hội, phong tục tập quán và di tích lịch sử gắn với đời sống văn hóa và tinh thần của ngư dân miền biển là những điểm hấp dẫn đối với du khách.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tại bàn được thực hiện bằng phương pháp trắc lượng thư mục và phân tích nội dung nhằm xác định khoảng trống nghiên cứu, lý thuyết nền, các yếu tố ảnh hưởng đến ý định, chỉ mục đo lường và đề xuất mô hình nghiên cứu.

Nghiên cứu định tính trước định lượng thông qua phỏng vấn sâu chuyên gia ($n=6$) và thảo luận nhóm NDĐP ($n=12$), nhằm tìm hiểu sự tham gia của NDĐP vào các hoạt động PTDL biển, nhận diện các yếu tố tác động, đồng thời phát triển và điều chỉnh các chỉ mục đo lường. Nghiên cứu định tính sau định lượng nhằm xác nhận kết quả thông qua tham vấn ý kiến chuyên gia ($n=10$).

Nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát sơ bộ ($n = 50$) và khảo sát chính thức ($n = 575$).

Kết quả khảo sát sơ bộ sẽ kiểm tra độ phù hợp về mặt từ ngữ và đánh giá sơ bộ độ tin cậy của thang đo thông qua Cronbach's Alpha. Kết quả khảo sát chính thức sẽ đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) được thực hiện ở phần mềm SPSS 27. Tiếp đến, đánh giá mô hình đo lường thông qua phân tích nhân tố khẳng định (CFA), kiểm định tính bất biến của mô hình đo lường, kiểm tra sai lệch phương pháp chung (CMB) và phân phối chuẩn. Cuối cùng, kiểm định mô hình cấu trúc (SEM) bao gồm độ phù hợp của mô hình, tác động trực tiếp, gián tiếp và phân tích đa nhóm được thực hiện ở phần mềm AMOS 28.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Mô tả mẫu nghiên cứu

NDĐP có thời gian sinh sống tại địa bàn trên 10 năm 86,7%; thu nhập bình quân từ 5 – dưới 11 triệu/tháng 49,6%; trình độ đại học 32,9%; đã kết hôn 53,7% và nghề nghiệp làm việc liên quan đến du lịch 40,4%.

3.2 Khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia PTDL của NDĐP

Thang đo đảm bảo độ tin cậy khi đánh giá sơ bộ độ tin cậy bằng Cronbach's alpha và EFA. Tám yếu tố và 32 chỉ mục đo lường đều đáp ứng các điều kiện ban đầu.

3.3 Xác nhận các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham PTDL biển của NDĐP

Kết quả CFA cho thấy mô hình phù hợp với dữ liệu (Chi-Square/df = 1,753; GFI = 0,917; RMSEA = 0,038; NFI = 0,920; TLI = 0,959; CFI = 0,964). Hệ số tải chuẩn hóa và AVE đều lớn hơn 0,5 cho thấy sự hội tụ đầy đủ. Độ tin cậy được đảm bảo thông qua chỉ số Cronbach's Alpha và giá trị CR đều lớn hơn 0,70. Đạt giá trị phân biệt thông qua bảng Fornell-Larcker cho thấy căn bậc hai của AVE lớn hơn tương quan giữa các yếu tố, và kết quả phân tích ma trận HTMT cho thấy các giá trị đều nhỏ hơn 0,850.

3.4 Kiểm tra tính bất biến mô hình đo lường

“Model Fit” ở mô hình không ràng buộc trên 2 nhóm cho thấy độ phù hợp tốt và kết quả kiểm định tính bất biến về mặt đo lường không có ý nghĩa thống kê. Do đó, tính bất biến của mô hình đo lường giữa 2 nhóm đáp ứng yêu cầu.

3.5 Kiểm tra sai lệch phương pháp chung (Common Method Bias - CMB) và phân phối chuẩn

Kết quả kiểm tra sai lệch phương pháp chung bằng phương pháp Latent Common Factor không đạt mức ý nghĩa thống kê. Do đó, CMB không phải là mối quan ngại đáng kể trong nghiên cứu này.

Dữ liệu đạt phân phối chuẩn đơn biến nhưng chưa đạt phân phối chuẩn đa biến. Do đó, nghiên cứu sử dụng Bootstrapping với 5.000 mẫu lặp lại trong phân tích SEM.

3.6 Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến ý định tham gia PTDL biển của NDDP

Độ phù hợp mô hình: Kết quả phân tích mô hình SEM cho thấy độ phù hợp tốt: Chi-Square/df = 1,912; GFI = 0,908; RMSEA = 0,042; NFI = 0,912; TLI = 0,950; CFI = 0,956.

Kết quả kiểm định các giả thuyết trực tiếp: 10/13 giả thuyết được ủng hộ, cụ thể như sau:

Bảng 3.7 Tổng hợp kết quả kiểm định giả thuyết trực tiếp

STT	Giả thuyết		<i>B</i>	t - value	95% BC Bootstrap CI	Kết luận
1	PEC -> ATT	H1a	0,357***	5,817	[0,212;0,59]	Ủng hộ
2	PEN -> ATT	H1b	0,241***	3,904	[0,065;0,513]	Ủng hộ
3	PSC -> ATT	H1c	0,264***	4,405	[0,149;0,49]	Ủng hộ
4	PEC -> CP	H2a	0,453***	7,601	[0,269;0,657]	Ủng hộ
5	PEN -> CP	H2b	0,193***	3,393	[0,021;0,404]	Ủng hộ
6	PSC -> CP	H2c	0,255***	4,575	[0,106;0,493]	Ủng hộ
7	PEC -> IP	H3a	-0,039n/s	-0,529	[-0,200;0,111]	Không ủng hộ
8	PEN-> IP	H3b	0,042n/s	0,682	[-0,084;0,163]	Không ủng hộ

STT	Giả thuyết		B	t - value	95% BC Bootstrap CI	Kết luận
9	PSC -> IP	H3c	-0,047n/s	-0,621	[-0,248;0,116]	Không ủng hộ
10	ATT -> IP	H4	0,339***	5,156	[0,146;0,419]	Ủng hộ
11	PBC -> IP	H5	0,221***	3,644	[0,039;0,357]	Ủng hộ
12	SN-> IP	H6	0,200***	3,369	[0,05;0,273]	Ủng hộ
13	CP -> IP	H7	0,245***	3,561	[0,081;0,357]	Ủng hộ
Df = 440, $\chi^2 = 841,457$, P = 0,000. $\chi^2/df = 1,912$, GFI = 0,908, RMSEA = 0,042, NFI = 0,912, TLI = 0,950, CFI = 0,956.						
Squared Multiple Correlations (R^2): thái độ (ATT) = 0,557; IP (ý định tham gia) = 0,605; CP (niềm tự hào cộng đồng) = 0,618.						

Ghi chú: *** $P \leq 0,001$; ns: không có ý nghĩa thống kê.

Nguồn: Tổng hợp kết quả nghiên cứu (2025)

3.7 Kết quả vai trò trung gian của thái độ và niềm tự hào cộng đồng

Kết quả kiểm định giả thuyết cho thấy 6/6 giả thuyết trung gian được ủng hộ. ATT có vai trò trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa PEC và IP (H8a) ($\beta = 0,121$, $P = 0,001$). ATT có vai trò trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa PEN và IP (H8b) ($\beta = 0,082$, $P = 0,009$). ATT có vai trò trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa PSC và IP (H8c) ($\beta = 0,089$, $P = 0,001$).

CP có vai trò trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa PEC và IP (H9a) ($\beta = 0,111$, $P = 0,002$). CP có vai trò trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa PEN và IP (H9b) ($\beta = 0,047$, $P = 0,026$). CP có vai trò trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa PSC và IP (H9c) ($\beta = 0,063$, $P = 0,005$).

3.8 Kết quả vai trò điều tiết của tình trạng tham gia

Dựa vào Structural weights, có sự khác biệt giữa mô hình ràng buộc và mô hình không ràng buộc.

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở 2 mối quan hệ sau: (i) PEN tác động đến ATT ở nhóm đã/đang tham gia các hoạt động phát triển du lịch biển ($\beta = 0,371$, $P = 0,000$), nhưng không có ý nghĩa thống kê ở nhóm chưa từng tham gia ($\beta = 0,148$, $P = 0,101$). (ii) ATT tác động đến IP ở nhóm đã/đang tham gia các hoạt động phát triển du lịch biển rất cao ($\beta = 0,550$, $P = 0,000$), nhưng ở nhóm chưa từng tham gia thấp hơn ($\beta = 0,196$, $P = 0,026$).

CHƯƠNG 4. THẢO LUẬN KẾT QUẢ VÀ HÀM Ý QUẢN LÝ

4.1 Thảo luận kết quả nghiên cứu

Vai trò của nhận thức về tác động tích cực của du lịch biển (kinh tế, môi trường, văn hóa – xã hội) (PEC, PEN, PSC)

PEC, PEN, PSC có tác động tích cực đến thái độ và niềm tự hào cộng đồng. Kết quả này gợi ý cho các bên liên quan đưa ra những chính sách, chương trình để phân phối công bằng lợi ích nhằm đa dạng sinh kế cho NDĐP; phát huy và bảo tồn các giá trị văn hóa – xã hội và nâng cao nhận thức, hành động bảo vệ môi trường để gia tăng sự ảnh hưởng của nhận thức tích cực đến thái độ và niềm tự hào của NDĐP đối với việc tham gia các hoạt động PTDL biển tại Bình Thuận.

Tuy nhiên, PEC, PEN, PSC không thúc đẩy ý định tham gia các hoạt động PTDL biển của NDĐP. Hàm ý rằng cần có chính sách để tháo gỡ những điểm nghẽn cản trở ý định tham gia PTDL biển của NDĐP hiện nay về kinh tế, môi trường và văn hóa – xã hội.

Vai trò của thái độ (ATT)

ATT có tác động tích cực đến ý định. Do đó, cần có những chính sách minh bạch, công bằng về lợi ích khi tham gia các hoạt động PTDL biển và gia tăng vai trò của NDĐP trong PTDL biển.

Vai trò của nhận thức kiểm soát hành vi (PBC)

PBC tác động tích cực đến ý định tham gia PTDL biển của NDĐP. Vì vậy, các bên liên quan cần có các chính sách đồng bộ để giúp NDĐP tự tin vào năng lực của bản thân.

Vai trò của chuẩn mực chủ quan (NS)

SN đóng vai trò giải thích ý định tham gia các hoạt động PTDL biển của NDĐP. Trong đó, ảnh hưởng từ gia đình và bạn bè là chủ yếu; vai trò của các bên liên quan còn hạn chế. Do đó, cần tăng cường vai trò dẫn dắt của chính quyền và các bên liên quan trong cộng đồng.

Vai trò của niềm tự hào cộng đồng (CP)

CP tác động tích cực đến ý định tham gia các hoạt động PTDL biển của NDĐP. Từ đó, gợi ý rằng các nhà quản lý cần có chính sách nuôi dưỡng và củng cố CP như một công cụ mềm nhằm gia tăng ý định tham gia PTDL biển của NDĐP.

Vai trò trung gian của thái độ và niềm tự hào cộng đồng

Vai trò trung gian toàn phần của ATT và CP trong mối quan hệ giữa PEC, PEN, PSC và ý định. Do đó, các chính sách tuyên truyền không chỉ nói về lợi ích mà còn biến những lợi ích nhận thức được thành thái độ và niềm tự hào cộng đồng thông qua các mô hình thành công và việc tôn vinh bản sắc địa phương.

Vai trò điều tiết của tình trạng tham gia

Sự khác nhau giữa 2 mối quan hệ dựa trên vai trò điều tiết của tình trạng tham gia. Do đó, để thúc đẩy ý định tham gia của NDĐP chưa từng tham gia các hoạt động PTDL biển, chính sách phát triển điểm đến cần tạo nhiều điều kiện thuận lợi và cơ hội tham gia thực tế vào các hoạt động PTDL biển. Với nhóm đã/đang tham gia, cần duy trì động lực bằng cách nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện cơ sở hạ tầng và hoàn thiện thể chế để NDĐP tiếp tục gắn bó lâu dài với du lịch biển.

4.2. Khuyến nghị chính sách nhằm tăng ý định tham gia phát triển du lịch biển của người dân địa phương tỉnh Bình Thuận

4.2.1 Nâng cao nhận thức về tác động tích cực của du lịch biển (kinh tế, môi trường, văn hóa - xã hội) nhằm gia tăng thái độ và niềm tự hào cộng đồng

• Đối với chính quyền địa phương

Về khía cạnh kinh tế: thiết lập chính sách, xây dựng cơ chế tích hợp du lịch vào sinh kế hiện hữu của NDĐP ven biển; siết chặt quản lý hoạt động kinh doanh du lịch.

Về khía cạnh văn hóa – xã hội: định kỳ phục dựng, tổ chức và nâng tầm quy mô các lễ hội đặc trưng; khai thác ẩm thực, nghề thủ công phục vụ du lịch nhằm khơi dậy niềm tự hào cộng đồng; tăng cường quản lý chặt chẽ các tệ nạn xã hội phát sinh từ du lịch; thu hút đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng công cộng.

Về khía cạnh môi trường: có giải pháp quy hoạch không gian chung nhằm tháo gỡ tình trạng thiếu không gian bãi biển cho cộng đồng và du khách; thực hiện chặt chẽ chính sách giám sát xả thải; định kỳ tổ chức các buổi diễn đàn, chia sẻ lợi ích bảo vệ môi trường.

Đối với doanh nghiệp: đóng vai trò là chủ thể chia sẻ lợi ích kinh tế và đồng hành bảo tồn văn hóa, môi trường cùng NDĐP.

Có chính sách phù hợp với từng nhóm như sau:

➤ **Đối với nhóm chưa tham gia:**

Chính quyền địa phương: không kêu gọi các hoạt động bảo vệ môi trường suông mà phải kết nối lợi ích kinh tế, văn hóa – xã hội thiết thực cho NDĐP.

Doanh nghiệp: Doanh nghiệp nên tăng cường các hành động có trách nhiệm với môi trường và xã hội tại địa phương để tạo niềm tin, khuyến khích NDĐP tham gia trong tương lai.

➤ **Đối với nhóm đã/đang tham gia:**

Chính quyền địa phương: cần trao quyền quản lý, bảo vệ môi trường cho NDĐP và là lực lượng nòng cốt tham vấn chính sách bảo tồn tài nguyên du lịch biển tại địa phương.

Doanh nghiệp, hiệp hội du lịch: ủng hộ nhóm này xây dựng các mô hình kinh doanh bền vững, góp phần gìn giữ môi trường biển.

4.2.2 Nâng cao nhận thức kiểm soát hành vi

- *Đối với chính quyền địa phương:*

Đóng vai trò là bộ đỡ kỹ thuật và tài chính thông qua việc xây dựng các gói tín dụng ưu đãi, cho vay khởi nghiệp du lịch biển và áp

dụng chính sách giảm thuế giai đoạn đầu đối với các hộ tham gia kinh doanh các dịch vụ phục vụ du lịch.

Thiết lập các chương trình đào tạo, tập huấn dài hạn cho NDĐP; thành lập đội ngũ chuyên gia chuyên trách để đồng hành, hướng dẫn NDĐP khởi nghiệp.

Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp đóng vai trò là cầu nối thương mại và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp.

Đối với cá nhân người dân địa phương:

Người dân cần phát huy tinh thần chủ động học hỏi; tích cực, tự giác tham gia các lớp tập huấn kỹ năng, hội thảo; chủ động tận dụng các nguồn lực sẵn có của gia đình để chuyển đổi hoặc tích hợp thành dịch vụ du lịch; chủ động liên kết với nhau để giảm thiểu rủi ro khi mới bắt đầu tham gia các hoạt động PTDL biển.

4.2.3 Nâng cao chuẩn mực chủ quan

- *Đối với chính quyền địa phương:*

Thực hiện các chính sách truyền thông và giáo dục cộng đồng dài hạn, mà trong đó chủ thể truyền thông phải chính là NDĐP có uy tín trong tập thể; tăng cường các hoạt động đối thoại, thông tin minh bạch về quy hoạch, đền bù, giải tỏa mặt bằng để tạo niềm tin cho NDĐP; tuyên dương, khen thưởng các cá nhân tiêu biểu, các mô hình hoạt động hiệu quả.

- *Đối với các tổ chức cộng đồng:*

Đây là nhóm có vai trò then chốt trong việc định hướng dư luận xã hội ở địa phương.

- *Đối với người dân địa phương:*

Cần nâng cao tinh thần hợp tác, xây dựng ý thức trách nhiệm chung với cộng đồng nơi mình sinh sống; tự giác tuân thủ các quy ước ứng xử văn minh, bảo vệ cảnh quan chung; chủ động truyền cảm hứng và kỹ năng cho thế hệ trẻ, tạo nền tảng vững chắc cho sự đồng thuận tham gia PTDL biển qua các thế hệ.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sự tham gia của NDĐP đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển điểm đến du lịch biển theo hướng bền vững. Do đó, các nghiên cứu về sự tham gia của NDĐP vào PTDL biển đã được thực hiện từ khá sớm và không ngừng gia tăng trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào nhận thức, thái độ và ý định hỗ trợ PTDL của NDĐP; trong khi đó, các nghiên cứu còn hạn chế trong việc khám phá ý định tham gia PTDL biển của NDĐP. Bên cạnh đó, yếu tố cảm xúc đã cho thấy có vai trò quan trọng trong giải thích ý định tham gia của NDĐP nhưng vẫn chưa được xem xét một cách đầy đủ (Wang & nnk., 2021). Trong đó, vai trò trung gian của niềm tự hào cộng đồng giữa nhận thức tác động tích cực và ý định tham gia PTDL biển của NDĐP là khoảng trống nghiên cứu của chủ đề. Ngoài ra, TPB đã được sử dụng rộng rãi để khám phá ý định của du khách, nhưng còn hạn chế nghiên cứu mở rộng TPB với SET để xem xét vai trò trung gian của thái độ giữa nhận thức tích cực và ý định tham gia của NDĐP vào PTDL biển. Mặt khác, TPB, ngoài việc giải thích ý định hành vi ban đầu, còn có vai trò trong việc giải thích ý định tiếp tục, duy trì hành vi; tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu gộp NDĐP thành một nhóm đồng nhất mà chưa xem xét sự khác nhau về động lực hình thành ý định giữa NDĐP đã/đang tham gia và NDĐP chưa từng tham gia các hoạt động PTDL biển. Tại Bình Thuận, trước và sau khi sáp nhập vào tỉnh Lâm Đồng, du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn. Trong đó, du lịch biển đóng vai trò là động lực kinh tế của tỉnh. Chính sách PTDL luôn chú trọng đến sự tham gia của NDĐP vào PTDL. Tuy nhiên, các chính sách hiện nay thường kêu gọi sự tham gia của NDĐP nhưng thiếu căn cứ khoa học để lý giải cơ chế hình thành ý định hành vi. Để khắc phục các khoảng trống trên, dựa trên cơ sở TPB làm nền tảng, đồng thời mở rộng khi tích hợp SET để xem xét vai trò trung gian của thái độ giữa nhận

thức tác động tích cực của du lịch biển về kinh tế, môi trường, văn hóa - xã hội và ý định. Yếu tố cảm xúc là niềm tự hào cộng đồng, được hình thành trên cơ sở SIT, và vai trò trung gian của niềm tự hào được đồng nhất với giai đoạn cảm xúc trong mô hình CAC. Đồng thời, nghiên cứu, xem xét vai trò điều tiết của tình trạng tham gia trong các mối quan hệ trên nhằm làm rõ vai trò của các yếu tố đến ý định tham gia PTDL biển của NDĐP Bình Thuận.

Kết quả chính của luận án:

Nhận thức của NDĐP về tác động tích cực của du lịch biển (kinh tế, môi trường, văn hóa – xã hội) là động lực kích hoạt niềm tự hào cộng đồng và thái độ của NDĐP đối với việc tham gia hoạt động phát triển du lịch biển.

Nhận thức kiểm soát hành vi, chuẩn mực chủ quan, niềm tự hào cộng đồng và thái độ đều tác động tích cực đến ý định tham gia của NDĐP vào các hoạt động phát triển du lịch biển.

Niềm tự hào cộng đồng và thái độ giữ vai trò trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa nhận thức của NDĐP về tác động tích cực của du lịch biển (kinh tế, môi trường và văn hóa – xã hội) và ý định tham gia các hoạt động phát triển du lịch biển.

Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm NDĐP đã/đang tham gia và chưa từng tham gia các hoạt động phát triển du lịch biển trong 2 mối quan hệ: (i) nhận thức về tác động tích cực của du lịch biển về môi trường ảnh hưởng đến thái độ của nhóm đã/đang tham gia, nhưng lại không có ý nghĩa thống kê đối với nhóm chưa từng tham gia. Và (ii) thái độ có tác động tích cực đến ý định ở cả 2 nhóm. Tuy nhiên, cường độ tác động ở nhóm đã/đang tham gia cao hơn so với nhóm chưa từng tham gia các hoạt động PTDL biển tại địa phương.

Từ các kết quả trên, luận án đã đề xuất các khuyến nghị và hàm ý quản lý tập trung vào việc nâng cao nhận thức về tác động tích cực (kinh tế, môi trường, văn hóa – xã hội) nhằm khơi dậy niềm tự hào

cộng đồng và gia tăng thái độ tích cực của NDĐP. Bên cạnh đó, các khuyến nghị và hàm ý chính sách được đề xuất nhằm gia tăng nhận thức kiểm soát hành vi và thúc đẩy ảnh hưởng của chuẩn mực chủ quan, qua đó gia tăng ý định tham gia của NDĐP trong tương lai.

Đóng góp mới của luận án:

Về lý luận:

Thứ nhất, nghiên cứu góp phần bổ sung vào lý thuyết TPB bằng cách tích hợp Social Exchange Theory, đưa biến “nhận thức tích cực” vào như một tiền đề hình thành thái độ. Điều này giúp mô hình TPB giải thích đầy đủ hơn cơ chế hình thành ý định tham gia. Bên cạnh đó, việc phân tích ý định tiếp tục tham gia song song với ý định tham gia ban đầu, bổ sung chiều sâu cho ứng dụng TPB trong nghiên cứu hành vi cộng đồng.

Thứ hai, nghiên cứu kiểm định vai trò trung gian của thái độ và niềm tự hào cộng đồng trong mối quan hệ giữa nhận thức về tác động tích cực của du lịch về kinh tế, môi trường, văn hóa - xã hội và ý định tham gia vào PTDL biển của NDĐP tại tỉnh Bình Thuận. Từ đó, giúp mở rộng hiểu biết về cách các yếu tố tâm lý - xã hội chuyển hóa nhận thức thành ý định hành vi.

Thứ ba, nghiên cứu không chỉ áp dụng mô hình TPB mở rộng để giải thích ý định tham gia phát triển du lịch biển mà còn làm rõ sự khác biệt giữa hai nhóm cư dân: nhóm đã/đang tham gia và nhóm chưa tham gia các hoạt động phát triển du lịch. Việc so sánh này có ý nghĩa học thuật quan trọng, bởi nó cho thấy các yếu tố như nhận thức tích cực về tác động của du lịch, thái độ, niềm tự hào cộng đồng, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi có thể vận hành khác nhau tùy theo trải nghiệm thực tế của cư dân. Bằng cách phân tích vai trò can thiệp của tình trạng tham gia, nghiên cứu không chỉ nâng cao giá trị học thuật của mô hình TPB mở rộng bằng SET mà còn đóng góp vào việc phát triển lý thuyết theo hướng phản ánh sự

đa dạng trong hành vi cộng đồng. Điều này giúp mô hình trở nên linh hoạt hơn, có khả năng giải thích cả sự hình thành ý định ban đầu lẫn sự duy trì hành vi trong các bối cảnh khác nhau.

Về thực tiễn

Thứ nhất, nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về cơ chế hình thành ý định tham gia của người dân địa phương vào phát triển du lịch biển tại Bình Thuận. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp các nhà quản trị điểm đến và chính quyền địa phương thiết kế chính sách thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, thay vì chỉ dừng lại ở những lời kêu gọi chung chung.

Thứ hai, việc phân tích sự khác biệt giữa nhóm đã/đang tham gia và nhóm chưa tham gia cho phép xây dựng giải pháp phù hợp cho từng nhóm cư dân. Cách tiếp cận này giúp chính sách trở nên cụ thể, khả thi và hiệu quả hơn, vì phản ánh đúng nhu cầu và động lực của từng đối tượng.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu góp phần thúc đẩy phát triển du lịch biển theo hướng bền vững. Bằng chứng thực nghiệm ủng hộ việc cân bằng lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng, đồng thời hạn chế những mặt trái của du lịch biển như áp lực lên tài nguyên, môi trường và văn hóa.

Thứ tư, các phát hiện về nhận thức tích cực, thái độ và niềm tự hào cộng đồng của người dân giúp định hướng hoạt động truyền thông và xây dựng chính sách. Điều này có ý nghĩa trong việc nâng cao sự đồng thuận xã hội, tăng cường gắn kết cộng đồng và tạo động lực chung cho tiến trình phát triển du lịch biển.

Hạn chế của luận án và hướng nghiên cứu tiếp theo

Luận án đã giải quyết được các mục tiêu đề ra, tuy nhiên luận án thừa nhận còn tồn tại những hạn chế và đưa ra hướng nghiên cứu tiếp theo như sau:

Thứ nhất, do hạn chế trong việc tiếp cận danh sách các hộ nên nghiên cứu chọn mẫu khảo sát là NDĐP được chọn theo phương pháp hạn ngạch và thuận tiện tại 5 huyện/thị xã/thành phố ven biển Bình Thuận (8 phường/xã/đặc khu hiện nay). Đây là các địa bàn có PTDL biển trọng điểm của tỉnh, nhưng bỏ qua 2 huyện giáp biển có tiềm năng phát triển du lịch biển kết hợp với văn hóa Chăm ở Bình Thuận là huyện Tuy Phong và huyện Bắc Bình. Mặc dù mẫu có “tính bao phủ tương đối” trên các địa bàn trọng điểm và đủ lớn để kiểm định mô hình, kết quả có giá trị giải thích cơ chế trong bối cảnh nghiên cứu, nhưng có thể hạn chế suy rộng cho toàn bộ dân số. Vì vậy, kết quả nghiên cứu không thể khái quát hóa cho tất cả các điểm đến du lịch khác. Nghiên cứu đề xuất lặp lại ở các điểm đến PTDL biển khác nhằm xác nhận thêm các kết quả được tìm thấy trong nghiên cứu này. Một hạn chế khác của mẫu nghiên cứu liên quan đến sự phân bố thành phần: số lượng người trẻ từ 18 – 35 tuổi (44%) ít hơn so với những người từ 36 tuổi trở lên (56%), có khả năng ảnh hưởng đến tính khái quát của kết quả. Do đó, trong tương lai, nghiên cứu có thể xem xét việc cân bằng độ tuổi trong cỡ mẫu. Mặt khác, nghiên cứu chọn mẫu cắt ngang có thể không khái quát hóa được sự ổn định của các mối quan hệ. Trong tương lai, có thể tiến hành nghiên cứu theo chiều dọc để xem xét tính ổn định của các mối quan hệ và mức độ tác động của các yếu tố có bị thay đổi hay không. Ngoài ra, đối tượng khảo sát của nghiên cứu là NDĐP ven biển Bình Thuận. Tuy nhiên, Bình Thuận có 1 đảo là Phú Quý. Dựa trên tỷ lệ dân số, nghiên cứu đã xác định cỡ mẫu tương ứng với đảo Phú Quý. Tuy nhiên, kích thước mẫu ở đảo Phú Quý khá nhỏ. Vì vậy, trong tương lai có thể tăng kích cỡ mẫu ở đảo Phú Quý để có thể so sánh sự khác biệt giữa NDĐP ven biển đất liền và cư dân ven biển ở đảo.

Thứ hai, nghiên cứu áp dụng lý thuyết trao đổi xã hội (SET) như một lý thuyết hỗ trợ cho lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB).

Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ xem xét SET ở khía cạnh tích cực (lợi ích) mà bỏ qua góc độ tiêu cực (chi phí). Vì vậy, có thể chưa phản ánh đầy đủ nhận thức của NDĐP về tác động của PTDL biển tại địa bàn nghiên cứu. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất trong tương lai có thể xem xét cả khía cạnh nhận thức của NDĐP về tác động tích cực và tác động tiêu cực của du lịch biển. Mặt khác, nghiên cứu tiếp cận nhận thức của NDĐP về tác động tích cực theo hướng bao trùm, bao gồm kinh tế, môi trường và văn hóa – xã hội. Tuy nhiên, ở góc độ chính trị/chính sách, gần đây các nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng yếu tố này có vai trò quan trọng trong việc giải thích ý định (Wong và nnk., 2022), nhưng nghiên cứu này chưa đề cập đến yếu tố này. Vì vậy, trong tương lai có thể bổ sung thêm khía cạnh chính sách/chính trị khi xem xét nhận thức của NDĐP về tác động của du lịch biển.

Thứ ba, nghiên cứu chỉ tập trung vào nhận thức của NDĐP về tác động tích cực của du lịch (kinh tế, môi trường, văn hóa - xã hội), thái độ, niềm tự hào cộng đồng, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi đối với ý định tham gia của NDĐP vào PTDL biển khi tích hợp TPB, SET, SIT và mô hình CAC. Có thể nghiên cứu không phản ánh đầy đủ các yếu tố tác động đến ý định tham gia của NDĐP vào PTDL biển, đặc biệt là các yếu tố cảm xúc khác của NDĐP mà các nhà nghiên cứu đang quan tâm trong thời gian gần đây. Vì vậy, nghiên cứu trong tương lai có thể kết hợp các lý thuyết tâm lý khác như lý thuyết gắn kết điểm đến, lý thuyết sự đoàn kết tình cảm để mở rộng các yếu tố dự báo ý định tham gia của NDĐP vào PTDL biển như yếu tố gắn kết điểm đến (Wong và nnk., 2022), sự đoàn kết về mặt tình cảm (Erul & Woosnam, 2022) hoặc cảm giác thuộc về (Del Chiappa và nnk., 2018) để khám phá đầy đủ hơn các yếu tố tác động đến ý định tham gia phát triển du lịch biển của NDĐP.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Bài báo tại tạp chí đại học Huế

1. Trương Thị Thu Lanh, Lê Chi Công, Hồ Thị Hương Lan (2025). Community Participation in Tourism Development: A Bibliometrics Analysis Using R Biblioshiny. *Hue University Journal of Science: Economics and Development*, 134(5S), 107 – 122. (HĐGSNN: 0,5 điểm).

Các bài trình bày tại hội thảo quốc tế có chỉ số ISBN

2. Trương Thị Thu Lanh, Lê Chi Công, Hồ Thị Hương Lan (2024). Community Participation in Tourism Development: Bibliometric Review and Analysis, *International Conference on Business and Finance 2024*, ISBN: 978-604-492-360-4.
3. Trương Thị Thu Lanh, Lê Chi Công, Hồ Thị Hương Lan (2024). Overview of Studies on Local Community Participation, Sustainable Marine Tourism Development, 6th International Conference on Tourism Development in Vietnam, *Tourism and Leisure in The New Era*. ISBN: 978-604-4983-97-4.
4. Trương Thị Thu Lanh (2024). Some Experiences on Local Community Participation in Tourism Development in The World, *International Scientific Conference Enhancing Cooperation to Promote Sustainable Tourism in Response to Climate Change, The Fourth Industrial Revolution and Artificial Intelligence*. ISBN: 978-604-965-871-6.

Các bài báo xuất bản có chỉ số ISSN

5. Trương Thị Thu Lành, Lê Chí Công, Hồ Thị Hương Lan (2025). Ảnh hưởng của nhận thức về tác động tích cực của du lịch đến ý định tham gia du lịch biển của cộng đồng địa phương tỉnh Bình Thuận: Vai trò của thái độ. *Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 20(10), 37-53. DOI: [10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.20.10.4508.2025](https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.20.10.4508.2025). (HĐGSNN: 1,0 điểm).
6. Trương Thị Thu Lành (2025). Phát triển du lịch biển: Phân tích trắc lượng thư mục từ cơ sở dữ liệu Scopus. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 4/2025 (902), 109 – 112. (HĐGSNN: 0,75 điểm)
7. Trương Thị Thu Lành (2026). Áp dụng lý thuyết hành vi có kế hoạch trong nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng địa phương vào phát triển du lịch: Tổng quan tài liệu. *Tạp chí Kinh tế - Tài chính*, Kỳ 1 – Tháng 1/2026 (10), 70 – 74. (HĐGSNN: 0,75 điểm).
8. Trương Thị Thu Lành, Lê Chí Công, Hồ Thị Hương Lan (2026). Ý định người dân tham gia phát triển du lịch biển tại tỉnh Bình Thuận: Mở rộng lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB). *Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 21(8)(In press). (HĐGSNN: 1,0 điểm).